

**Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	3 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	11 - 56

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở, và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 512, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hoa	Phó chủ tịch thường trực
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó chủ tịch
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên
Ông Henry Chung	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thủy Vân	Trưởng Ban
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Đức Tồn	Giám đốc Nhà máy	
Ông Nguyễn Hùng Việt	Giám đốc Kỹ thuật sản xuất	
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Khối tài chính Kế toán	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại	
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh doanh	
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên liệu	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc Hỗ trợ	Đến ngày 08/05/2017
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Giám đốc Hỗ trợ	Từ ngày 08/05/2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Quế Trang.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2017	Số đầu năm 30/06/2016
1	2	3	4	6
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.498.546.379.218	4.216.029.016.581
	Tiền và các khoản tương đương tiền			
110	I. Tiền		202.374.398.169	855.375.120.630
111	1. Tiền	4	202.374.398.169	431.443.246.481
112	2. Các khoản tương đương tiền	4	-	423.931.874.149
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		111.965.402.421	46.424.094.687
121	1. Chứng khoán kinh doanh		114.589.312.579	54.116.600.867
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(3.123.910.157)	(7.692.506.180)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		500.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.098.520.699.115	1.930.581.676.173
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	575.501.389.945	822.334.756.561
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.169.102.538.944	938.582.888.061
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		286.000.000.000	133.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	107.672.494.055	70.882.923.265
137	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	7	(39.755.723.829)	(34.718.891.714)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.956.593.873.978	1.333.276.780.107
141	1. Hàng tồn kho	9	1.958.234.513.228	1.334.096.271.683
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	9	(1.640.639.250)	(819.491.576)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		129.092.005.534	50.371.344.984
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	60.310.493.457	40.887.927.016
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.097.290.925	9.102.232.099
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		67.684.221.152	381.185.869
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.331.607.979.943	2.620.667.782.014
	I. Các khoản phải thu dài hạn		247.404.257.833	194.048.412.209
210	1. Trả trước cho người bán dài hạn		87.265.337.933	58.769.761.197
212	2. Phải thu dài hạn khác	8	160.138.919.900	135.278.651.012
220	II. Tài sản cố định	11	1.573.530.815.601	1.555.356.440.558

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.329.796.823.843	1.305.729.123.707
222	- Nguyên giá	11	3.257.069.000.944	3.051.892.253.773
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	11	(1.927.272.177.101)	(1.746.163.130.066)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	62.692.225.631	67.610.055.686
225	- Nguyên giá	12	73.767.448.385	73.767.448.385
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	12	(11.075.222.754)	(6.157.392.699)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	181.041.766.127	182.017.261.165
228	- Nguyên giá	13	202.074.372.697	197.891.271.547
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	13	(21.032.606.570)	(15.874.010.382)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		78.656.574.346	124.818.704.027
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		78.656.574.346	124.818.704.027
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.371.630.039.865	686.067.887.183
	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.1	1.371.630.039.863	398.984.110.671
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.1	770.062.387	287.922.171.983
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	14.1	(770.062.385)	(838.395.471)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		60.386.292.298	60.376.338.037
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	44.416.155.370	41.619.031.610
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	851.395.319
269	3. Lợi thế thương mại	15	15.970.136.928	17.905.911.108
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.830.154.359.161	6.836.696.798.595

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/06/2017	Số đầu năm 30/06/2016
1	2	3	4	6
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.720.337.224.765	4.134.301.056.939
310	I. Nợ ngắn hạn		3.178.321.736.991	2.774.320.638.118
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	121.394.965.618	46.117.978.053
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	89.918.994.324	85.044.977.543
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	15.641.835.099	12.205.553.830
314	4. Phải trả người lao động		8.634.282.071	10.133.880.337
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	78.325.996.006	58.769.362.740
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	370.909.091	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	15.171.405.917	24.174.187.980
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.1	2.835.710.687.097	2.520.380.695.895
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.152.661.768	17.494.001.740
330	II. Nợ dài hạn		1.542.015.487.774	1.359.980.418.821
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		26.566.175.487	-
337	2. Phải trả dài hạn khác		185.500.000	185.500.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21.2	1.515.263.812.287	1.359.794.918.821
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.109.817.134.397	2.702.395.741.656
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.109.817.134.397	2.702.395.741.656
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	22.1	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	75.894.194.065	155.174.403.823
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		-	(40.306.862.293)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.1	5.112.186.181	(2.165.210.735)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	39.217.460.174	243.709.260.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2017

421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	445.810.021.700	386.137.417.421
421a	- LNST chưa phân phối kỳ trước	22.1	111.025.631.641	93.923.017.688
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	22.1	334.784.390.059	292.214.399.733
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	11.900.592.277	12.236.403.239
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.830.154.359.161	6.836.696.798.595

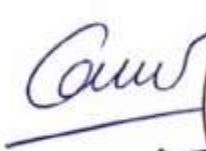
Ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế toán trưởng



Lê Phát Tín

Phó Tổng Giám đốc




Phan Quế Trang

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Niên độ 2016-2017	Niên độ 2015-2016	Niên độ 2016-2017	Niên độ 2015-2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.281.281.829.666	1.023.398.533.842	4.516.827.968.498	4.042.892.882.215
02	2. Các khoản giảm trừ	24.1	169.337.725	2.788.038.987	1.139.887.903	(15.660.161.470)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.281.112.491.941	1.020.610.494.855	4.515.688.080.595	4.027.232.720.745
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.093.200.052.468	867.346.476.124	3.901.694.318.748	(3.422.230.144.928)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		187.912.439.473	153.264.018.731	613.993.761.847	605.002.575.817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	50.036.823.041	40.638.505.614	223.996.198.343	141.667.851.402
22	7. Chi phí tài chính	26	80.268.477.474	64.582.225.080	283.702.300.825	(216.332.843.184)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		74.293.225.417	61.682.830.093	258.904.320.147	(152.781.586.342)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		(2.288.335.736)	1.689.748.705	38.734.220.421	12.549.340.671
25	9. Chi phí bán hàng	27	30.273.957.966	19.659.011.120	87.358.302.999	(95.464.461.360)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	45.778.518.800	38.770.428.591	149.092.371.658	(143.593.766.960)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		79.339.972.539	72.580.608.259	356.571.205.130	303.828.696.386
31	12. Thu nhập khác		7.253.485.369	6.399.331.677	21.390.440.415	11.750.741.251
32	13. Chi phí khác		4.254.778.875	3.962.616.672	12.825.481.064	(5.503.138.451)
40	14. Lợi nhuận khác		2.998.706.494	2.436.715.005	8.564.959.351	6.247.602.800

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

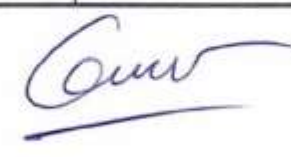
B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.338.679.032	75.017.323.264	365.136.164.481	310.076.299.186
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	2.001.465.100	(5.694.209.072)	26.598.812.102	(16.761.373.041)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	816.767.371	851.395.319
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		80.337.213.932	80.711.532.336	337.720.585.008	294.166.321.464
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		80.110.611.758	80.836.326.062	338.056.395.971	293.814.330.822
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		226.602.175	(124.793.726)	(335.810.962)	351.990.642
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.3			1.176	1.493
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.3			1.176	1.493


Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập


Lê Phát Tín
Kế toán trưởng




Quế Trang
Thủ Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Niên độ 2016-2017	Niên độ 2015-2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		365.136.164.481	310.076.299.186
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11, 12, 13	197.524.868.136	162.019.427.999
03	Các khoản dự phòng		(336.321.557)	18.509.923.228
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.748.674.538	(189.260.438)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(99.768.889.157)	(109.948.071.965)
06	Chi phí lãi vay	26	258.904.320.147	152.781.586.342
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		725.208.816.589	533.249.904.352
09	Tăng các khoản phải thu		(166.793.141.259)	(531.993.919.431)
10	Giảm hàng tồn kho		(627.115.470.745)	(483.522.758.961)
11	Tăng các khoản phải trả		143.167.727.341	4.438.314.140
12	Tăng chi phí trả trước		(23.806.426.991)	41.687.725.284
13	(Giảm) tăng chứng khoán kinh doanh		(60.675.074.136)	(45.991.839.439)
14	Tiền lãi vay đã trả		(208.287.250.046)	(130.730.947.864)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(26.193.036.513)	(11.656.363.496)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.146.502.668)	(19.941.428.130)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(292.640.358.429)	(644.461.313.545)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(170.400.295.319)	(429.473.441.007)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		6.321.336.719	2.482.912.604
23	Tiền chi cho vay		(1.255.177.637.576)	(245.313.284.423)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.131.380.000.000	293.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(973.405.511.001)	(285.996.689.279)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		287.152.109.596	151.110.955.658
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		167.743.766.434	63.346.523.587
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(806.386.231.147)	(450.843.022.860)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Niên độ 2016-2017	Niên độ 2015-2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	115.472.765.963
33	Tiền thu từ đi vay		6.308.638.999.240	6.713.690.612.483
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.853.428.020.976)	(4.882.110.827.299)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(9.162.829.080)	(6.872.121.810)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(63.122.250)	(127.607.494.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		445.985.026.934	1.812.572.934.917
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(653.041.562.641)	717.268.598.512
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		855.375.120.630	138.062.494.402
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		40.840.180	44.027.716
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	202.373.398.169	855.375.120.630

Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập

Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Tiền Quế Trang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15 tháng 7 năm 1995 và các Giấy phép Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SBT theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Số 512, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 6 công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2017
(1) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía	Đang hoạt động	90	90
(2) Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Thành Thành Công Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất phân bón	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất và đóng gói đường thô, đường tinh luyện để bán trong lãnh thổ Singapore và xuất khẩu trong khu vực	Đang hoạt động	100	100
(4) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía	Đang hoạt động	62	62
(5) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100	100
(6) Công ty TNHH MTV Nước Míaqua	Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Đang hoạt động	100	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm sau.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày 30 tháng 06 năm 2017. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được vốn hóa tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Tài sản khác	4 - 15 năm

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Chi phí phân bổ ngoài vụ được tính toán và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở sản lượng đường thực tế sản xuất trong kỳ.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản mục tài sản và công nợ của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong kỳ kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong kỳ thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.17 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Tiền mặt	2.112.450.079	1.006.576.157
Tiền gửi ngân hàng	200.261.948.090	430.436.670.324
Các khoản tương đương tiền (*)	-	423.931.874.149
TỔNG CỘNG	202.374.398.169	855.375.120.630

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Phải thu bên thứ ba	419.013.085.528	373.204.624.751
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	156.488.304.417	449.130.131.810
TỔNG CỘNG	575.501.389.945	822.334.756.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Ngắn hạn	1.169.102.538.944	938.582.888.061
Trả trước cho bên thứ ba	834.547.153.688	765.550.818.894
Trong đó:		
- Trả trước cho nông dân (*)	512.702.501.259	353.028.961.685
- Các khoản trả trước khác	321.844.652.429	412.521.857.209
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	334.555.385.256	173.032.069.167
Dài hạn	87.265.337.933	58.769.761.197
Trả trước cho nông dân (*)	87.265.337.933	58.769.761.197
TỔNG CỘNG	1.256.367.876.877	997.352.649.258
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(39.755.723.829)	(34.718.891.714)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.216.612.153.048	962.633.757.544

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất từ 9,6% đến 10,8% một năm.

7. DỰ PHÒNG TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các
khoản trả trước cho người bán ngắn hạn
khó đòi:*

	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	27.594.751.080	36.825.754.698
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	12.160.972.749	2.106.862.984
Số cuối kỳ	39.755.723.829	34.718.891.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Ngắn hạn	107.672.494.055	70.882.923.265
Lãi phải thu	50.130.315.300	46.527.536.973
Tạm ứng cho nhân viên	13.109.893.316	20.096.157.272
Phải thu chi hộ Svayrieng	1.568.832.139	-
Phải thu công ty Hải Vi	14.962.032.558	-
Khác	27.901.420.742	4.259.229.020
Dài hạn	160.138.919.900	135.278.651.012
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Campuchia (*)	12.707.425.000	12.707.425.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	147.431.494.900	122.571.226.012
TỔNG CỘNG	267.811.413.955	206.161.574.277
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 29)</i>	<i>22.513.284.538</i>	<i>24.505.351.680</i>
<i>Phải thu từ bên khác</i>	<i>245.298.129.417</i>	<i>181.656.222.597</i>

(*) Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 12.707.425.000 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Nhóm Công ty và Svayrieng Sugar and Cane Company Limited để phát triển dự án trồng mía ở Campuchia với thời hạn 10 (mười) năm. Nhóm Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Nhóm Công ty cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Thành phẩm	1.621.959.396.878	1.062.686.165.328
Nguyên vật liệu	220.399.723.082	98.843.087.846
Hàng hóa	66.680.028.288	86.807.366.465
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	41.872.000.667	30.573.298.646
Công cụ và dụng cụ	5.414.166.661	1.866.121.009
Hàng hóa bất động sản	-	49.231.049.895
Hàng gửi đi bán	1.909.197.652	4.089.182.494
TỔNG CỘNG	1.958.234.513.228	1.334.096.271.683
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.640.639.250)	(819.491.576)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.956.593.873.978	1.956.593.873.978

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Ngắn hạn	60.310.493.457	40.887.927.016
Chi phí ngoài vụ chờ phân bổ	51.578.607.815	33.790.645.815
Khác	8.731.885.642	7.097.281.201
Dài hạn	44.416.155.370	41.619.031.610
Tiền thuê đất trả trước	25.098.401.951	34.708.429.061
Công cụ, dụng cụ	166.609.623	2.996.060.400
Khác	19.151.143.796	3.914.542.149
TỔNG CỘNG	104.726.648.827	82.506.958.626

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	464.399.695.683	2.475.017.846.917	41.453.733.553	10.850.923.606	60.170.054.014	3.051.892.253.773
Tăng trong kỳ	141.679.943.851	81.652.966.639	11.365.672.087	2.014.976.483	3.395.145.276	240.108.704.336
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	-
Thanh lý	(14.056.471.304)	(16.205.505.492)	(2.911.347.794)	-	-	(33.173.324.590)
Giảm khác	-	-	-	(50.909.091)	(1.707.723.484)	(1.758.632.575)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	592.023.168.230	2.540.465.308.064	49.908.057.846	12.814.990.998	61.857.475.806	3.257.069.000.944
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	231.697.888.684	1.430.336.592.376	16.989.216.574	7.052.271.671	58.657.424.067	1.744.733.393.372
Khấu hao trong kỳ	24.731.723.236	156.476.584.639	6.472.575.964	1.422.780.842	198.331.098	189.301.995.779
Thanh lý	(606.232.540)	(4.239.650.039)	(1.657.027.421)	-	(260.302.050)	(6.763.212.050)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	255.823.379.380	1.582.573.526.976	21.804.765.117	8.475.052.513	58.595.453.115	1.927.272.177.101
Giá trị còn lại:						
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	232.701.806.999	1.044.681.254.541	24.464.516.979	3.798.651.935	1.512.629.947	1.307.158.860.401
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	336.199.788.850	957.891.781.088	28.103.292.729	4.339.938.485	3.262.022.691	1.329.796.823.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Máy móc và thiết bị

Nguyên giá:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

73.767.448.385

Giá trị khấu hao lũy kế:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

6.157.392.699

Khấu hao trong kỳ

4.917.830.055

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

11.075.222.754

Giá trị còn lại:

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

67.610.055.686

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

62.692.225.631

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Quyền
sử dụng đất

Phần mềm
máy tính

Bản quyền
bằng sáng
chế

Tổng cộng

Nguyên giá:

Ngày 30 tháng 6 năm
2016

185.832.211.459 12.059.060.088

-

197.891.271.547

Tăng trong kỳ

430.000.000 3.553.101.150

200.000.000

4.183.101.150

Ngày 30 tháng 06 năm
2017

186.262.211.459 15.612.161.238

200.000.000

202.074.372.697

**Giá trị hao mòn lũy
kế:**

Ngày 30 tháng 6 năm
2016

10.627.513.423 5.246.496.959

-

15.874.010.382

Hao mòn trong kỳ

3.044.042.085 2.042.331.875

72.222.228

5.158.596.188

Ngày 30 tháng 06 năm
2017

13.671.555.508 7.288.828.834

72.222.228

21.032.606.570

Giá trị còn lại:

Ngày 30 tháng 6 năm
2016

175.204.698.036 6.812.563.129

-

182.017.261.165

Ngày 30 tháng 06 năm
2017

172.590.655.951 8.323.332.404

127.777.772

181.041.766.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Đầu tư vào công ty liên kết	1.371.630.039.863	398.984.110.671
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	770.062.387	287.922.171.983
TỔNG CỘNG	1.372.400.102.250	686.906.282.654
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-770.062.387	-838.395.471
GIÁ TRỊ THUẦN	1.371.630.039.863	686.067.887.183

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Ngày 30 tháng 06 năm 2016	
	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu	Giá trị ghi sổ (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre (i)	409.381.626.227	48,99	-	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (ii)	209.640.878.865	49,00	191.055.714.436	49
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh (iii)	138.169.329.837	39,23	115.952.253.112	39,23
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (iv)	62.377.296.791	30,54	59.863.471.423	30,54
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (v)	31.025.869.672	19,13	32.112.671.700	26,32
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (vi)	521.035.038.471	40,00	-	-
TỔNG CỘNG	1.371.630.039.863		398.984.110.671	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau: (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2016, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 20.124.764 cổ phần tương ứng 48,99% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre ("Betrimex") với giá trị 402.495.280.000 VND. Betrimex được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 130010404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 5 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Betrimex đặt tại Số 75, Đường 30/4, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dừa và hàng nông sản; gia công xuất khẩu; dịch vụ du lịch và đầu tư tài chính
- (ii) Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hoà ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh trước đây là Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh ("Mía Đường Tây Ninh") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKDsố 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Mía Đường Tây Ninh đặt tại Số 19, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh. Hoạt động chính của công ty là trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường.
- (iv) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (v) Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh ("Hóa chất Tây Ninh") được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 45121000238 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của Hóa chất Tây Ninh đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- (vi) Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai) được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900764381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các GCNĐKD điều chỉnh. Trụ sở chính của TTC Attapeu đặt tại số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu đường; trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác; sản xuất truyền tải và phân phối điện; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

VND

Giá gốc của khoản đầu tư:

Ngày 30 tháng 06 năm 2016	463.135.039.400
Tăng do đầu tư mới	934.605.279.975
Tăng do hợp nhất kinh doanh	16.415.872.000
Giảm giá trị đầu tư	0
Giảm do hợp nhất kinh doanh	(19.320.000.000)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	1.394.836.191.375

Phản lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết:

Ngày 30 tháng 06 năm 2016	-61.246.800.729
Phản lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	38.040.649.217
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	-23.206.151.512

Giá trị còn lại:

Ngày 30 tháng 06 năm 2016	401.888.238.671
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	1.371.630.039.863

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Nguyên giá:

Ngày 30 tháng 06 năm 2016	19.357.741.738
---------------------------	----------------

Giá trị khấu trừ lũy kế:

Ngày 30 tháng 06 năm 2016	1.451.830.630
Phân bổ trong kỳ	1.935.774.180
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	3.387.604.810

Giá trị còn lại:

Ngày 30 tháng 06 năm 2016	17.905.911.108
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	15.970.136.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Phải trả bên khác	52.399.738.520	39.496.572.626
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	68.995.227.098	6.621.405.427
TỔNG CỘNG	121.394.965.618	46.117.978.053

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Bên khác	2.760.667.206	69.891.457.883
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	87.158.327.118	15.153.519.660
TỔNG CỘNG	89.918.994.324	85.044.977.543

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Thuế TNDN (Thuyết minh số 28)	8.200.519.516	7.849.822.920
Thuế thu nhập cá nhân	6.672.915.146	160.828.778
Thuế giá trị gia tăng	768.244.637	4.194.768.372
Khác	155.800	133.760
TỔNG CỘNG	15.641.835.099	12.205.553.830

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Chi phí lãi vay	25.826.267.537	22.050.638.478
Chi phí vận chuyển	3.030.398.571	4.593.855.727
Chi phí mua hàng	38.817.540.653	8.564.877.909
Khác	10.651.789.245	23.559.990.626
TỔNG CỘNG	78.325.996.006	58.769.362.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 30 tháng 06 năm 2016
Chi phí vận chuyển và thu hoạch	3.322.462.192	1.299.155.796
Khác	12.219.852.816	22.875.032.184
TỔNG CỘNG	15.542.315.008	24.174.187.980
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	2.009.261.262	18.449.779.314
Phải trả bên khác	13.533.053.746	5.724.408.666

21. VAY

Vay ngắn hạn

	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Vay ngắn hạn	2.606.272.712.011	2.319.948.696.309
Vay dài hạn đến hạn trả	229.437.975.086	200.431.999.586
Số dư cuối kỳ	2.835.710.687.097	2.520.380.695.895

Vay dài hạn

	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Vay dài hạn	1.701.178.349.213	1.507.540.651.168
Nợ thuê tài chính	43.523.438.160	52.686.267.239
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(229.437.975.086)	(200.431.999.586)
	1.515.263.812.287	1.359.794.918.821

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty và theo lãi suất thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	30/06/2017	30/06/2016	Thuyết minh
		VND	VND	
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	VND	36.329.051.654	100.000.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	VND	312.353.587.462	438.746.582.087	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 25 triệu USD
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-	VND	158.204.832.898	159.774.939.311	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.
• Ngân hàng TMCP Công thương	VND	399.244.720.271	540.769.759.743	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND và được đảm bảo bằng hàng tồn kho trị giá 50 tỷ đồng
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam)	VND	-	43.600.000.000	Khoản vay này đã được tắt nợ
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	60.000.000.000	60.000.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND. Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

• Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	42.459.536.000	193.400.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143.75 tỷ VND</i>
• Ngân hàng Natixis	VND	102.795.707.861	97.147.441.339	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 6 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/ hoặc các khoản phải thu với giá trị là 6.6 triệu USD.</i>
• Ngân hàng ACB	VND	100.000.000.000	104.954.389.848	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu với giá trị là 200 tỷ VND</i>
• Ngân hàng Malayan Banking Berhad	VND	143.133.541.088	168.990.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị là 12.5 triệu USD</i>
• Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	VND	109.209.739.340	224.836.953.174	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 450 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho trị giá 126 tỷ, trong đó 100 tỷ không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	VND	99.315.396.371	60.446.524.307	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143 tỷ VND</i>
• Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	37.500.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 75 tỷ VND và 75 tỷ VND.</i>
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	498.682.653.608	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 500 tỷ VND (30/06/2016: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 93.688 m2 quyền sử dụng đất tại Tân Kim, Long An; quyền sử dụng 11.860.9m2 đất thương mại dịch vụ và tài sản gắn liền với đất là trung tâm thương mại – trung tâm hội nghị và tiệc cưới tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.</i>
• Ngân hàng Mizuho	VND	219.960.150.376	-	<i>Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 220 tỷ VND</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

• Ngân hàng Phát Triển	VND	15.000.000.000	-	Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND
• Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	29.297.000.000	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị phần vốn góp tại TTCS Gia Lai 136.6 tỷ.
• Ngân hàng DBS Bank Ltd.	VND	136.886.795.082	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 11 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 5.5 triệu USD và 5.5 triệu USD.
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	VND	70.000.000.000	111.275.300.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.000.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty tổng trị giá 120 tỷ đồng.
• Ngân hàng TMCP NN & PTNT Việt Nam	VND	35.900.000.000	16.006.806.500.00	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80 tỷ VND và không được đảm bảo
		<u>2.606.272.712.011</u>	<u>2.319.948.696.309</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND	Thuyết minh
Vay dài hạn không được đảm bảo:				
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	VND	7.159.024.000	9.545.366.000	Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2016: 36 tỷ VND). Số dư 7.159.024.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 6 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
Vay dài hạn được đảm bảo:				
Ngân hàng ACB-Tân Thuận	VND	-	80.602.963.000	Khoản vay này đã được tất nợ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	90.000.000	262.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2016: 520 triệu VND). Số dư 90 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 2 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 45 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2.874 tỷ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	1.057.000.000	2.113.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.185 tỷ VND (30/06/2016: 3.185 tỷ VND). Số dư 1.057 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 04 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 23 tháng 09 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2.874 tỷ.</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	2.725.000.000	4.670.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.67 tỷ VND (30/06/2016: 4.67 tỷ VND). Số dư 2.725 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 7 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 389 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 30 tháng 03 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp là 6.873 tỷ.</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	2.764.000.000	4.146.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.146 tỷ VND (30/06/2016: 4.146 tỷ VND). Số dư 2.764 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 8 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 345.5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 20 tháng 04 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 5.127 tỷ.</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	5.556.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.556 tỷ VND (30/06/2016: 0 tỷ VND). Số dư 5.556 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 463 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 15 tháng 05 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 7.938 tỷ.</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	5.672.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.672 tỷ VND (30/06/2016: 0 tỷ VND). Số dư 5.672 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 475 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 21 tháng 06 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 máy kéo với giá trị thế chấp là 8.104 tỷ.</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	353.083.998.320	405.401.266.545	<i>Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty; máy móc, thiết bị và tài sản cố định trong dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 lên 6.000 TMN; quyền bán điện trong Hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Trái phiếu phát hành	VND	889.660.000.000	987.020.000.000	Gói trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam ("đồng"), với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, quyền sử dụng 32 ha đất tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và một phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai (30/06/2016: 1.000 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm: Ngày tròn 12 tháng đầu, tối thiểu 10% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 24 tháng, tối thiểu 15% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 36 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 48 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 60 tháng, toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại ngày đáo hạn
Trái phiếu phát hành	VND	420.142.800.000	-	Gói trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam ("đồng"), với tổng mệnh giá 425.6 tỷ đồng, được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng, quyền thuê 51 ha đất và 2.723.9 ha đất bao gồm cả nhà máy đường công suất 7.000 tấn mía cây/ ngày, nhà máy nhiệt điện công suất 30MW, nhà máy sản xuất phân vi sinh tại tỉnh Attapeu Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và 40% tổng số vốn góp đã phát hành (31/12/2016: 0 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm 5 kỳ: 10% kỳ 1, 10% kỳ 2, 20% kỳ 3, 30% kỳ 4, 30% kỳ 5, bắt đầu từ ngày 23/06/2019 và kết thúc vào ngày 23/06/2023.
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	VND	4.410.000.000	6.130.000.000	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được đảm bảo bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 430 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	8.858.526.893	7.650.055.623	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 18.380 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được ân hạn đến 29/03/2017. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuê Tài Chính	VND	43.523.438.160	52.686.267.239	<i>Thuyết minh chi tiết mục 21.3</i>
----------------	-----	----------------	----------------	--------------------------------------

1.744.701.787.373	1.560.226.918.407
--------------------------	--------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	30/06/2017		Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	30/06/2016	
		Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc		Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	12.810.780.410	3.647.951.330	9.162.829.080	13.588.475.528	4.425.646.448	9.162.829.080
Trên 1 năm đến 5 năm	40.562.699.024	6.202.089.944	34.360.609.080	45.997.402.004	9.346.085.666	36.651.316.338
Trên 5 năm	-	-	-	7.134.980.475	262.858.659	6.872.121.816
	53.373.479.434	9.850.041.274	43.523.438.160	66.720.858.007	14.034.590.773	52.686.267.234

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	-	227.425.653.785	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116
Tăng vốn trong kỳ	462.610.330.000	137.426.724.600	-	-	-	-	-	600.037.054.600
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	-	-	24.286.015.963
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	293.814.330.822	293.814.330.822
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	16.283.606.416	-	(37.423.865.204)	(21.140.258.788)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Cổ tức	-	-	-	(2.165.210.735)	-	-	-	(2.165.210.735)
Tăng khác	-	-	-	-	-	2.040.858.039	-	2.040.858.039
Năm nay								
Ngày 30 tháng 06 năm 2016	1.947.610.330.000	155.174.403.823	(40.306.862.293)	(2.165.210.735)	243.709.260.201	-	386.137.417.421	2.690.159.338.417

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU(tiếp theo)

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VND							
Tăng vốn trong kỳ(*)	584.272.350.000	(146.070.770.000)	-	-	(233.713.240.000)	-	(204.488.340.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	66.790.560.242	40.306.862.293	-	-	-	-	107.097.422.535
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	337.659.012.704	337.659.012.704
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	29.221.439.973	-	(73.498.068.425)	(44.276.628.452)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang VND trong kỳ	-	-	-	7.277.396.916	-	-	-	7.277.396.916
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	2.531.882.680.000	75.894.194.065	-	5.112.186.181	39.217.460.174	-	445.810.021.700	3.097.916.542.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU(tiếp theo)

22.1 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

VND

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.947.610.330.000	1.485.000.000.000
Tăng trong kỳ	584.272.350.000	462.610.330.000
Số cuối kỳ	2.531.882.680.000	1.947.610.330.000

22.2 Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017 (cổ phiếu)	Ngày 30 tháng 06 năm 2016 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	253.188.268	194.761.033
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	253.188.268	194.761.033
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	(3.268.840)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	253.188.268	191.492.193

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.3 Lãi trên cổ phiếu

	<i>Luỹ kế từ đầu niên độ 2016-2017</i>	<i>Luỹ kế từ đầu niên độ 2015-2016</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	338.056.395.971	293.814.330.822
Trích lập quỹ khen thưởng. phúc lợi (*)	(40.566.767.516)	(35.257.719.699)
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sau khi trích lập quỹ khen thưởng. phúc lợi	297.489.628.454	258.556.611.123
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu) (**)	252.898.723	173.159.938
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu(VND/cổ phiếu)	1.176	1.493

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>VND</i>
Ngày 30 tháng 06 năm 2016	12.236.403.239
Lỗ trong kỳ	(335.810.962)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017	11.900.592.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016
Doanh thu gộp:	1.281.281.829.666	1.023.398.533.842
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	1.066.486.543.349	890.886.390.894
Doanh thu bán mật đường	55.458.321.339	29.948.922.474
Doanh thu bán điện	25.737.337.069	4.569.579.181
Phân bón hoạt động nông nghiệp	104.736.133.932	73.046.404.989
Doanh thu khác	28.863.493.977	24.947.236.304
Trừ:		
Giảm giá hàng bán	(169.337.725)	(2.788.038.987)
Doanh thu thuần	1.281.112.491.941	1.020.610.494.855
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán đường	1.066.350.578.019	1.068.118.194.754
Doanh thu bán mật đường	55.458.321.339	93.530.257.887
Doanh thu bán điện	25.737.337.069	53.978.334.660
Phân bón hoạt động nông nghiệp	104.736.133.932	18.921.307.503
Doanh thu khác	28.830.121.582	5.928.215.578

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	36.984.717.041	24.818.319.183
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	12.836.791.386
Cổ tức	7.874.438.895	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.700.606.124	461.699.877
Khác	3.477.060.981	2.521.695.168
TỔNG CỘNG	50.036.823.041	40.638.505.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Giá vốn bán đường	893.509.803.599	733.321.789.365
Giá vốn bán mật đường	50.862.603.402	28.078.038.151
Giá vốn bán điện	24.772.341.093	4.277.277.077
Phân bón hoạt động nông nghiệp	103.063.787.197	71.748.056.591
Giá vốn khác	20.520.796.178	29.921.314.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	470.720.999	-
TỔNG CỘNG	1.093.200.052.468	867.346.476.124

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	74.293.225.417	59.461.147.483
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	573.895.380	5.855.762.968
Dự phòng	1.643.741.981	(5.118.896.499)
Khác	3.757.614.696	4.384.211.128
TỔNG CỘNG	80.268.477.474	64.582.225.080

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.357.819.563	13.063.226.684
Chi phí nhân công	2.938.901.279	4.367.192.548
Chi phí khấu hao	1.059.527.453	941.278.177
Chi phí khác	917.709.671	1.287.313.711
TỔNG CỘNG	30.273.957.966	19.659.011.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân công	16.278.611.453	12.666.320.211
Trích lập dự phòng	10.898.227.323	-1.336.800.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.415.321.460	9.067.713.719
Chi phí khấu hao	(1.030.073.391)	2.308.398.585
Chi phí khác	10.216.431.955	16.064.796.676
TỔNG CỘNG	45.778.518.800	38.770.428.591

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh đường làm từ mía kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo hướng dẫn Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất từ 10% đến mức thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	2.001.465.100	(5.694.209.072)
Chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) các kỳ trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	2.001.465.100	(5.694.209.072)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và cùng kỳ năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán thành phẩm	87.149.390.484	29.780.811.835
		Mua dịch vụ	4.688.218.986	750.333.105
		Thu nhập lãi	3.479.686.067	1.444.485.841
		Mua hàng hóa	726.723.771	12.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Cho vay	25.000.000.000	-
		Bán hàng hóa	15.513.900.000	662.353.593
		Thu nhập lãi	9.336.328.742	5.411.229.874
		Mua dịch vụ	13.252.666.819	1.970.327.650
		Cung cấp dịch vụ	65.454.546	65.454.545
		Mua hàng hóa	63.640.000.000	80.208.904.848
		Nhận tiền vay đã trả	41.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua hàng hóa	81.356.289.588	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

		Thu nhập lãi	3.131.070.991	847.264.060
		Mua nguyên liệu	36.940.694.700	49.983.893.904
		Bán hàng hoá	-	22.571.428.571
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	642.857.143	-
		Bán hàng hoá	38.852.000	-
		Mua mía	10.638.069.277	-
		Thưởng cuối vụ	18.146.144.900	-
		Thu nhập lãi	-	23.333.333
		Tiêu thụ hộ	-	555.841.112
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	60.350.000	42.000.000
		Cho vay	-	-
		Thu nhập lãi	324.048.610	293.222.220
		Chi phí lãi	270.702.478	-
		Cung cấp dịch vụ	381.818.182	-
		Mua tài sản	350.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	177.113.313.151	43.205.212.022
		Mua hàng hóa	24.231.596.893	269.558.613.250
		Mua dịch vụ	270.046.610	568.824.065
		Cung cấp dịch vụ	706.114.095	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

		Thưởng cuối vụ	2.512.722.500	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	347.600.000	41.714.285.714
		Mua hàng hóa	-	90.761.237.713
		Thu nhập lãi	-	768.541.666
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	136.271.250.000	295.238.095
		Bán hàng hóa	-	73.809.523.810
		Thu nhập lãi	685.216.875	-
		Bán tài sản	-	529.637.837
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Mua hàng hóa	58.738.000.000	115.166.666.667
		Thu nhập lãi	5.209.389.143	3.643.388.890
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Bán tài sản	-	-
		Thu nhập lãi	60.666.667	-
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu		Cung cấp dịch vụ	45.000.000	-
		Thu nhập lãi	160.118.698	-
		Bán hàng hóa, thành phẩm	7.636.962.150	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Bán hàng hóa	7.261.165.198	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.525.001	5.764.013.889
		Cung cấp dịch vụ	48.000.000	24.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	170.234.000.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	420.000.000	323.333.334
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	45.622.500	70.643.555.625
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	14.335.313.332	16.055.201.714
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	45.780.000.000	112.847.096.621
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.520.376.000	73.238.930.627
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu		Bán hàng hoá	78.073.302.386	-
TỔNG CỘNG			156.488.304.417	449.130.131.810

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Mua hàng hóa	52.722.834.951	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	98.146.384.605	107.533.442.140
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	157.687.000.000	14.011.549.910
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	20.842.336.700	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Ứng trước đầu tư nông dân	5.156.829.000	-
			334.555.385.256	136.544.992.050

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Thu nhập lãi	3.235.305.007	4.483.602.557
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.882.678.534	713.263.264
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Thu nhập lãi	1.831.084.444	1.978.780.938
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	105.041.667	193.333.332
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Thu nhập lãi	930.358.121	710.136.810
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Bên liên quan	Thu nhập lãi	120.666.668	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Bến Tre	Bên liên quan	Thu nhập lãi	-	800.877.048
Công ty CP đường Nước Trong	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	-	23.333.333
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Thu nhập lãi	685.216.875	-
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên kết	Thu nhập lãi	160.118.698	-
Công ty CP đường Biên Hoà	Bên liên quan	Chi hộ	855.389.524	-
TỔNG CỘNG			9.805.859.538	8.903.327.282

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Phải thu dài hạn khác

Công ty TNHH Mía đường Svayrieng	Bên liên quan	Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	12.707.425.000	12.707.425.000
----------------------------------	---------------	-----------------------------	----------------	----------------

Cho vay

Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Vay	12.000.000.000	14.500.000.000
Công Ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên kết	Vay	3.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Vay	109.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Vay	108.800.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Vay	35.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Vay	-	18.000.000.000
			267.800.000.000	133.500.000.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	36.562.958.884	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu	675.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	7.127.364.214	3.413.845.227
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	2.461.183.000	3.207.560.200
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Mua dịch vụ	1.161.896.000	-
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	21.006.825.000	-
TỔNG CỘNG			68.995.227.098	6.621.405.427
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.958.320.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.127.737.500	1.588.600.160
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.280.449.618	11.906.304.482
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	-	1.214.000.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	7.820.000	
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	-	72.922.918

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	371.692.100
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	Bên liên quan	Bán hàng hóa	72.570.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.214.000.000	-
TỔNG CỘNG			87.158.327.118	15.153.519.660

Phải trả ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Mượn nguyên liệu	-	15.648.984.731
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre	Công ty liên kết	Chi phí lãi	-	1.500.345.515
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	1.200.000.000	1.200.000.000
		Chi phí lãi	74.418.054	100.449.068
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		Chi phí lãi	734.843.208	-
TỔNG CỘNG			2.009.261.262	18.449.779.314

Vay

Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Công ty liên kết	Vay	7.159.024.000	9.545.366.000
TỔNG CỘNG			7.159.024.000	9.545.366.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

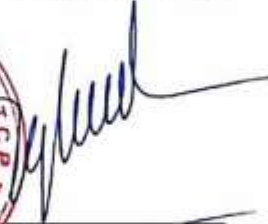
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán của giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Nhóm Công ty.



Đặng Thị Diễm Trinh
Người lập



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 07 năm 2017